

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-PT
Ngày 25/7/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Ong Thân Thắng

Ông Dương Thế Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân tỉnh bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/QĐ-PT ngày 28/6/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Mỹ Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Giáp Văn T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi đang chấp hành án phạt tù: Đội 18, phân trại số 01, Trại giam H, Cục C10 Bộ Công an (xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương).

-Người kháng cáo: Bị đơn anh Giáp Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/11/2018 và những lời khai tiếp theo, chị Mỹ Thị H là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Giáp Văn T kết hôn năm 2006. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị về gia đình anh T làm dâu ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống cũng như việc phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân nhau từ thời đó cho đến nay không còn quan hệ tình cảm gì nữa mặt khác hiện anh T đang là phạm nhân cải tạo hình phạt 02 năm tù về tội “Giữ người trái phép” tại Trại giam H (thị xã C, tỉnh Hải Dương). Nay chị thấy thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, anh T là phạm nhân phải đi chấp hành án nên không thể chăm lo cho gia đình. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Giáp Văn T được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được hai người con chung là Giáp Kiều A, sinh ngày 10/9/2007 và Giáp Thị Kim A, sinh ngày 17/02/2011. Về vấn đề con chung và cấp dưỡng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mỹ Thị H xin chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/12/2018 bị đơn là anh Giáp Văn T trình bày: Anh và chị Mỹ Thị H kết hôn với nhau vào năm 2006, trước khi cưới hai bên có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị H có về gia đình là dâu ngay. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc từ khi cưới đến đầu 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là chị H có lối sống không lành mạnh, anh nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác, mặt khác mâu thuẫn vợ chồng còn do các anh chị em trong gia đình chị H có nhiều lời lẽ xúi bẩy khiến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Anh thấy vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn chị H suy nghĩ lại về đoàn tụ để nuôi dạy các con. Việc chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được hai người con chung là Giáp Kiều A, sinh ngày 10/9/2007 và Giáp Thị Kim A, sinh ngày 17/02/2011. Hiện nay các cháu đang sinh sống với ông bà nội, tâm lý, sức khỏe các cháu phát triển bình thường. Anh không đồng ý ly hôn với chị H nên vấn đề con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: chị Mỹ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Giáp Văn T, giữ nguyên những lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn anh Giáp Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với chị Mỹ Thị H vì anh muốn các con có cả bố và mẹ và theo anh thì vợ chồng không mâu thuẫn gì nghiêm trọng đến mức phải ly hôn. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mỹ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mỹ Thị H được ly hôn anh Giáp Văn T.

2. Về án phí: Chị Mỹ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005201 ngày 04 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Mỹ Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 31/01/2019 anh Giáp Văn T kháng cáo bản án. Do anh T đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam H- Cục C10- Bộ Công an (Địa chỉ: xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương) nên nộp tiền tạm ứng án phí muộn. Tại quyết định giải quyết kháng cáo quá hạn số 01/2019/QĐ-PT ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã chấp nhận việc nộp tiền tạm ứng án phí muộn của anh T và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L làm thủ tục kháng cáo cho anh T. Tại đơn kháng cáo anh T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm cho chị H ly hôn anh, anh đề nghị xem xét để vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị H vắng mặt, bị đơn anh T không rút kháng cáo. Do vắng mặt nguyên đơn vụ án không thỏa thuận được.

Anh Giáp Văn T trình bày: Anh kháng cáo không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để các con anh có mái ấm gia đình. Anh không có mâu thuẫn gì với chị H, vợ chồng anh không sống ly thân như chị H trình bày. Chị H đi lao động nước ngoài từ tháng 10/2016 tại Đài Loan thời hạn hợp đồng lao động là ba năm đến tháng 10/2019 chị H mới hết hạn hợp đồng. Chị H có về Việt Nam nghỉ phép tháng 11/2018, làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh. Sau đó chị H đi lao động tiếp. Hiện nay chị H không có mặt tại địa phương. Anh đề nghị xem xét đơn xin

vắng mặt của chị H nộp và các trình bày của chị H tại tòa sơ thẩm và xác minh ở địa phương để xem xét kháng cáo của anh. Anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký. Kể từ khi thụ lý vụ đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do Tòa sơ thẩm vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Giáp Văn T. Hủy bản án sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Mỹ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn do chị Mỹ Thị H là chị gái của chị H nộp hộ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mỹ Thị H và anh Giáp Văn T kết hôn vào năm 2006, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc, theo chị H trình bày: năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị thấy thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, anh T là phạm nhân phải đi chấp hành án nên không thể chăm lo cho gia đình. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Giáp Văn T được ly hôn.

Bản án sơ thẩm xử cho chị Mỹ Thị H được ly hôn anh Giáp Văn T. Anh T kháng cáo không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét vợ chồng đoàn tụ.

[3]. Xét kháng cáo của anh T. Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng, thiếu sót sau:

Ngày 04/12/2018 Tòa sơ thẩm thụ lý vụ án và ra thông báo thụ lý vụ án số 397/TB-TLVA cho các đương sự là chị Mỹ Thị H, anh Giáp Văn T. Do anh T đang

chấp hành hình phạt tù tại Đội 18, phân trại số 1, Trại giam H, Cục C10, Bộ Công an (Địa chỉ: xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương) nên ngày 05/12/2018 Tòa án tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án trên cho anh T và giao Thông báo 397/TB-TA ngày 04/12/2019, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào 8 giờ ngày 05/12/2018 tại nhà thăm gặp, trại giam H (Cục C10- Bộ Công an) và tiến hành lấy lời khai của anh Giáp Văn T.

Theo thông báo thụ lý vụ án thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo thì bị đơn phải nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nếu có. Trường hợp cần gia hạn thì phải có đơn. Tuy nhiên, tòa sơ thẩm không đợi hết thời hạn ghi trong thông báo thụ lý đã ghi lời khai của anh T vào ngày 05/12/2018 và giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào 8 giờ ngày 05/12/2018, là không đúng quy định tại Điều 199, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa sơ thẩm đã lập biên bản về việc tiếp cận công khai chứng cứ có mặt anh T tại Trại giam H. Nhưng Tòa không lập biên bản không tiến hành hòa giải được là vi phạm Điều 205, Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau đó ra thông báo cho chị H biết kết quả phiên họp việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Theo biên bản xác minh ngày 04/12/2018 (bút lục 37) do ông Phạm Văn C - Trưởng thôn K, xã H, huyện L cung cấp “... Quá trình chung sống với nhau vợ chồng anh T, chị H không có mâu thuẫn gì xảy ra nhưng khoảng năm 2014 chị H đi nước ngoài về từ lúc này giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể thôn không nắm được, thôn chưa hòa giải gì cho vợ chồng anh T, chị H...”.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/12/2018 (bút lục 38), ông Giáp Văn B, cán bộ tư pháp xã hộ tịch xã H cung cấp: “...Hiện nay anh T đang phải chấp hành hình phạt tù, còn chị H không có mặt tại địa phương, cụ thể chị H đi đâu làm gì thì không nắm được vì chị H không khai báo cho địa phương...”

Theo cung cấp của địa phương thì chị H có đi nước ngoài và không có mặt tại địa phương nhưng Tòa sơ thẩm không làm rõ nội dung này.

Tại phiên tòa ngày 28/6/2019 tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa anh T trình bày: Anh đề nghị Tòa phúc thẩm xác minh làm rõ tại thời điểm chị H xin ly hôn anh, chị H đi lao động ở Đài Loan từ năm 2016 về nghỉ phép sau đó lại tiếp tục đi và không có mặt tại địa phương. Theo yêu cầu của anh T ngày 28/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có công văn số 222/CV-TA gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an cung cấp về việc chị Mỹ Thị H có xuất cảnh không? Nếu có thì xuất cảnh ngày, tháng, năm nào? Đã có thông tin nhập cảnh chưa? Xuất cảnh đi nước nào?. Tại công văn số 11061/QLXNC-P5 ngày 11/7/2019 của Bộ công an

cung cấp chị Mỹ Thị H đã xuất nhập cảnh ba lần, (Trong đó: xuất cảnh là ngày 12/12/2016, nhập cảnh ngày 24/11/2018, xuất cảnh ngày lần gần nhất vào ngày 22/12/2018. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Như vậy, anh T trình bày tại thời điểm Tòa sơ thẩm xét xử chị H đang lao động ở nước ngoài và không có mặt tại địa phương là có căn cứ; Tòa sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án là vi phạm về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, ngày 04/01/2019 Tòa sơ thẩm giao quyết định xét xử và giấy báo phiên tòa cho chị H; cùng ngày chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nhưng không lập biên bản giao nhận đơn này.

Từ những vi phạm, thiếu sót trên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Giáp Văn T. Hủy bản án sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L và giữ lại hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thẩm quyền.

[4]. Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Giáp Văn T.

1. Hủy bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ-ST ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa: Nguyên đơn là chị Mỹ Thị H và bị đơn là anh Giáp Văn T. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thẩm quyền.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn trả anh Giáp Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005411 ngày 12/4/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện L;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã H, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Đường sự,
- Lưu HS, THCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền